TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 09/07/2024
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chất và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: K, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Đinh Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau.Đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống anh N mải chơi và không chịu khó làm ăn. Mặt khác vợ chồng lấy nhau lâu nhưng không có con chung nên cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Bản thân chị L cũng đã cố gắng tìm những biện pháp khắc phục mâu thuẫn và tìm phương án chữa trị để mục đích có con nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 10 năm 2022 đồng thời anh chị sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung và công nợ. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại nhà bố đẻ anh N là ông Nguyễn Văn T tại xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn N và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bố anh N là ông Nguyễn Văn T nhận thay và cam kết giao ngay tận tay cho anh N. Bản thân anh N cũng đã biết việc chị L khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh N không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn N ly hôn.
- Án phí: Chị Đinh Thị Mỹ L nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị Mỹ L có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" với anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như

vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh N được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng không có con chung. Mặc dù đã tìm các biện pháp chữa trị nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân nhau một năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh N không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh N không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: Chị L và anh N sau khi tìm hiểu đã kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh N tại xóm B, xã K quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con chung, mặt khác anh N không tu chí làm ăn và nghiện ma túy. Năm 2022 thì chị L về nhà bố mẹ đẻ làm ăn sinh sống và không ở cùng với anh N nữa. Nay chị L xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của chị L và anh N đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị L và anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đinh Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn N (Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về án phí: Chị Đinh Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002141 ngày 5 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND thị trấn B.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.